

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HS-PT

Ngày: 15-6-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Các bị cáo có kháng nghị:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Cảnh H** - Sinh ngày: 16/02/1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông (không rõ) và bà: Lê Thị C, sinh năm: 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phan Chí T** - Sinh ngày: 30/11/1991, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phan Văn Đ1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959; bị cáo có vợ Đinh Thị T2, sinh năm: 1993 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Huỳnh Đ** - Sinh ngày: 26/12/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12;

con ông: Lê Hùng T3, sinh năm: 1954 và bà: Trần Thị T4, sinh năm: 1977; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Hoàng D** - Sinh ngày: 19/3/1999, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Trần Hoàng L1, sinh năm: 1969 và bà: Trần Thị L2, sinh năm: 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Hoàng Thế T1** - Sinh ngày: 01/11/2002, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Hoàng Thế L3, sinh năm: 1971 và bà: Trần Thị S, sinh năm: 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Bùi Hoài N** - Sinh ngày: 10/10/1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Bùi Văn C1, sinh năm: 1963 và bà: Phạm Thị L4, sinh năm: 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021, từ ngày 21/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N cùng thoả thuận hoạt động cho người dân vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính và Hoàng trả tiền công cho Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N là 6.000.000 đồng/1 người/1 tháng. Để thuận lợi trong quản lý việc thu, chi tiền vay theo từng ngày, H lập 03 nhóm zalo, cụ thể: T và Đ làm 01 nhánh (“Nhà 1”); D và T1 làm 01 nhánh (“Nhà 2”) và Nam 01 nhánh (“Nam tào”). H thuê phòng trọ tại địa chỉ Phường T, thành phố B để cho T, Đ, D và T1 ở chung, Nam thì ở riêng tại nhà của anh Vũ Trọng K (là bạn của H, sinh năm 1997, trú tại: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk). H cung cấp cho T và Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, bên trong có gắn Sim số 0823.669.859, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia

màu xanh đen, bên trong có gắn Sim số 0363.675.084 và 0356.941.823, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade màu đen, mang biển số 47T1-275.35; D và T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có gắn Sim số 0384.935.052 và 0329.720.647, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đỏ đen, mang biển số 47B2-524.03; Nam 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có gắn Sim số 0846.221.617 và 0919.375.314, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen, mang biển số 47H1-571.98, để làm công cụ, phương tiện hoạt động cho vay tiền. H trả tiền chi phí sinh hoạt hàng ngày cho riêng T, Đ, D, T1 là 300.000 đồng/ngày và 50.000 đồng/ngày/xe. H quản lý số người vay của từng nhánh vay thông qua từng file excel riêng của từng nhánh, sau đó sẽ cập nhật hàng ngày rồi gửi lên nhóm zalo đã lập để trao đổi với từng nhánh cho vay tiền. Thời điểm T, Đ, D và T1 bắt đầu làm chính thức và nhận lương của H là từ tháng 01/2021, đã nhận đủ 04 tháng lương (tháng 05 chưa trả), còn Nam thì từ tháng 02/2021, đã nhận đủ 03 tháng lương (tháng 05 chưa trả).

Nguyễn Cảnh H cùng đồng bọn quy định phương thức hoạt động cho vay lãi nặng là T, Đ, D, T1 và Nam đặt in tờ rơi quảng cáo với nội dung cho vay tiền kèm theo số điện thoại của từng nhánh vay, rồi phát cho các bị cáo để rải trên các tuyến đường, khu dân cư thuộc địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, hoặc các huyện lân cận để người vay liên hệ. Khi có người cần vay tiền liên hệ thì T, Đ, D, T1 và Nam đến gặp trực tiếp để tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, chỗ ở, công việc, thu nhập, khả năng trả nợ của người vay. Nhận thấy người vay có điều kiện trả nợ thì các đối tượng thỏa thuận về hạn mức số tiền cho vay, thời hạn trả nợ, số tiền gốc và lãi phải góp hàng ngày và tiền phí vay, nếu người vay đồng ý thì các bị cáo sẽ yêu cầu người vay viết vào giấy mượn tiền đã chuẩn bị trước đó (số tiền ghi trong giấy mượn bao gồm cả gốc lẫn lãi) và giữ giấy tờ tùy thân hoặc chụp ảnh lại rồi gửi cho H mục đích tránh bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi nặng. Sau đó, các bị cáo sẽ trực tiếp đi thu tiền gốc và lãi hàng ngày của người vay tiền hoặc có thể trả bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của các bị cáo, hoặc có thể chuyển trực tiếp về tài khoản của H. Hàng ngày, sau khi thu tiền của người vay, cùng một số giấy tờ tùy thân (nếu có), thì Đ, D và T1 sẽ tập hợp về lại Thành. Sau đó Thành sẽ giao lại cho H, riêng Nam sẽ giao tiền trực tiếp cho H. Lãi suất do H tự quy định là, nếu vay số tiền từ 3.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, trả góp theo ngày trong thời hạn từ 25 đến 32 ngày (có trường hợp có thể ít hơn), trong đó số tiền vay tăng lên tỷ lệ thuận với số tiền góp hàng ngày khi người vay vay gói vay nhiều tiền hơn, tiền phí cho vay thu từ 5% đến 10%. Người vay có thể đóng đủ số ngày đã thỏa thuận hoặc có thể đáo hạn trước thời hạn, một lần vay người vay có thể được đáo hạn nhiều lần (nghĩa là chưa hết thời gian trả cả lãi lẫn gốc, thì vẫn được vay tiếp nhưng phải trừ đi số tiền lãi và gốc trước đó). Ví dụ: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, khi trả góp được 20 ngày là 5.000.000 đồng và còn 05 ngày chưa trả là 1.250.000 đồng mà muốn đáo hạn vay lại 5.000.000 đồng thì sẽ bị trừ đi 1.250.000 đồng tiền lãi và gốc của lần vay trước từ số tiền 5.000.000 đồng cần đáo hạn. Các khoản vay với số tiền vay khác cũng tương tự cách thức như trên. Số tiền thu lợi bất chính (bao gồm tiền phí và tiền lãi suất vượt mức Nhà nước cho phép T, Đ, D, T1 và Nam phải giao lại cho H. H sử dụng để chi trả tiền lương, ăn ở, sinh hoạt hàng ngày cho bản thân và T, Đ, D, T1 và Nam theo từng nhánh cụ

thể (phần lãi suất của nhánh nào thì sử dụng chi trả cho nhánh đó), phần còn dư H sử dụng vào việc cá nhân và dùng để làm tiền cho vay những lần sau.

Trong thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, xác định được Nguyễn Cảnh H cùng đồng bọn Đ, T (nhà 01), D, T1 (nhà 02) và Nam cho người vay tiền với lãi suất cao với lượt vay cụ thể như sau:

1. Đối với nhánh của Trần Hoàng D và bị cáo Hoàng Thế T1: đã cho 21 người vay với 65 lượt vay tiền:

1.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975, trú tại: phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vay 1 lần:

Vào ngày 17/4/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, nộp phí vay là 500.000đ. Lần vay này bà H1 mới trả được 13 ngày số tiền là 3.250.000đ. Trong đó, 2.600.000đ tiền gốc và 650.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 38.616đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(650.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 38.616đ = 1.114.384 \text{ đồng}$. Bà H1 còn nợ 2.400.000đ tiền gốc.

1.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm: 1968, trú tại: phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, từ tháng 01/2021 đến tháng 04/2021 đã vay 02 lần, cụ thể:

* Lần thứ 1: Vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 400.000đ, nộp phí vay là 400.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.800.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.800.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 175.342đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.800.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 175.342đ = 3.024.658 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà H2 đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà H2 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 03 thì bà H2 mới trả được 06 ngày với số tiền 2.400.000đ. Trong đó, 1.875.000đ tiền gốc và 525.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(525.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 892.123 \text{ đồng}$.

* Lần thứ 2: Vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 400.000đ, nộp phí vay là 400.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.800.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.800.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 175.342đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.800.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 175.342đ = 3.024.658 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà H2 đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà H2 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 03 thì bà H2 mới trả được 09 ngày với số tiền 3.600.000đ. Trong đó, 2.812.000đ tiền gốc và 788.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 49.315đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(788.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 49.315đ = 1.138.185 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà H2 đã vay là 80.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 18.113.000 đồng, tổng tiền phí là 3.200.000 đồng, tổng lãi suất theo quy định Nhà nước

là 1.134.247 đồng và số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 20.178.253 đồng. Bà H2 còn nợ 15.312.500 đồng tiền gốc.

1.3. Bà Bùi Thị Thúy N1, sinh năm 1968, trú tại: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ giữa tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 136.986đ) = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, bà N1 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà N1 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02 thì bà N1 mới trả được 14 ngày số tiền là 7.000.000đ. Trong đó, 5.600.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 76.712đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 76.712đ) = 1.823.288$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà N1 đã vay là 30.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 6.400.000 đồng, tổng tiền phí là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 350.684 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.549.316 đồng. bà N1 còn nợ 4.400.000 đồng tiền gốc.

1.4. Anh Hoàng Bá C2, sinh năm 1985, trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 18/4/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả 13 ngày số tiền là 6.500.000đ. Trong đó, 5.200.000đ tiền gốc và 1.300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 71.233đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.300.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 71.233đ) = 1.728.767$ đồng, anh C2 còn nợ 4.800.000đ tiền gốc.

1.5. Ông Ma Huỳnh Đông N2, sinh năm: 1990, trú tại: xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, nộp phí vay là 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507$ đồng. Quá trình vay, ông N2 đáo hạn 03 lần, nhưng với số tiền vay 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Ông N2 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 03 thì ông N2 mới trả được 07 ngày số tiền là 3.500.000đ. Trong đó, 2.800.000đ tiền gốc và 700.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 38.356đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(700.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 38.356đ = 1.161.644$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông N2 đã vay là 35.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 6.950.000 đồng, tổng tiền phí là 1.750.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 380.822 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.319.179 đồng, ông N2 còn nợ 7.200.000 đồng tiền gốc.

1.6. Bà Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm: 1963, trú tại: phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 01/2021 đến tháng 04/2021 đã vay 02 lần, cụ thể:

* Lần thứ 1: Vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, nộp phí vay là 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507$ đồng. Quá trình vay, Bà T5 đáo hạn 04 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà T5 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 04 thì bà T5 mới trả được 11 ngày với số tiền là 2.750.000đ. Trong đó, 2.200.000đ tiền gốc và 550.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 30.137đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(550.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 30.137đ = 769.863$ đồng.

* Lần thứ 2: Vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, bà T5 đáo hạn 04 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà T5 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 4 bà T5 mới trả được 03 ngày với số tiền 1.500.000đ. Trong đó, 1.200.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 16.438đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(300.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 16.438đ = 783.562$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T5 đã vay là 75.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 15.850.000 đồng, tổng tiền phí là 3.750.000 đồng, tổng lãi suất theo quy định Nhà nước là 868.493 đồng và số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 18.731.507 đồng. Bà T5 còn nợ 11.600.000 đồng tiền gốc.

1.7. Bà Nguyễn Thị Thanh N3, sinh năm: 1972, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000đ, phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.4000.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.812.329$ đồng. Quá trình vay, bà N3 đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Lần vay này bà N3 mới trả được 29 ngày với số tiền là 6.300.000đ. Trong đó, 5.031.250đ tiền gốc và 1.268.750đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 79.452đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.268.750đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 79.452đ = 1.689.298$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà N3 đã vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 2.668.750 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 167.123 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 3.501.627 đồng. Bà N3 còn nợ 468.750 đồng tiền gốc.

1.8. Bà Nguyễn Thị Thuỳ T6, sinh năm: 1969, trú tại: phường L2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 3.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000đ, nộp phí vay là 150.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 3.750.000đ. Trong đó, 3.000.000đ tiền gốc và 750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(750.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 41.096đ = 858.904$ đồng. Quá trình vay, bà T6 đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà T6 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02 thì bà T6 mới trả được 21 ngày 3.100.000đ (riêng ngày đóng tiền thứ 21 còn thiếu 50.000 đồng). Trong đó, 2.480.000đ tiền gốc và 620.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 33.978đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(620.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 33.978đ = 736.122$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T6 đã vay là 9.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 2.120.000 đồng, tổng tiền phí là 450.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 116.170 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.453.930 đồng. Bà T6 còn nợ 520.000 đồng tiền gốc.

1.9. Bà Hoàng Thị Thuý V, sinh năm: 1969, trú tại: xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 2.500.000đ, phí vay là 2.500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 62.500.000đ. Trong đó, 50.000.000đ tiền gốc và 12.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 684.932đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(12.500.000đ + 2.500.000đ \text{ tiền phí}) - 684.932đ = 14.315.068$ đồng. Quá trình vay, bà V đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà V đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của các lần vay đáo hạn nói trên.

Như vậy, tổng số tiền bà V đã vay là 200.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 50.000.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 10.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 2.739.728 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 57.260.272 đồng.

1.10. Chị Phạm Thị Quỳnh M, sinh năm 1996, trú tại: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 03/5/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả 14 ngày số tiền là 7.000.000đ. Trong đó, 5.600.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 76.712đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 76.712đ) = 1.823.288$ đồng, chị M còn nợ 4.400.000đ tiền gốc.

1.11. Chị Trần Thị Bảo L5, sinh năm: 1990, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.681.507$ đồng. Quá trình vay, chị L5 đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Chị L5 mới trả được gần 14 ngày (13,8 ngày) với số tiền 3.450.000đ Trong đó, 2.760.000đ tiền gốc và 690.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 37.808đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(690.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 37.808đ = 1.152.192$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị L5 đã vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 1.940.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 106.301 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 2.833.669 đồng. Chị L5 còn nợ 2.240.000 đồng tiền gốc.

1.12. Anh Nguyễn Cao C3, sinh năm 1981, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 09/4/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 136.986đ = 2.863.014$ đồng.

1.13. Bà Phạm Thị Ánh N4, sinh năm: 1961, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 13/5/2021, vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000đ, nộp phí vay là 600.000đ, đã trả 02 ngày với số tiền là 600.000đ. Trong đó, 480.000đ tiền gốc và 120.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 6.575đ. D và T1 thu lợi bất chính là $(120.000đ + 600.000đ) - 6.575đ = 713.425$ đồng. Bà N4 còn nợ 5.520.000 đồng tiền gốc.

1.14. Chị Lê Thị G, sinh năm: 1986, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 01/5/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 13 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.500.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.616đ. T1 và D thu lợi bất chính là $1.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 35.616đ = 1.964.384$ đồng.

1.15. Anh Nguyễn Vĩnh N5, sinh năm: 1990, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 03/2021 đến tháng 05/2021 đã vay 02 lần, cụ thể:

* Lần thứ 1: Vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, nộp phí vay là 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T1 và D thu lợi bất chính là

$(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh N5 đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Anh N5 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02 thì anh N5 mới trả được 09 ngày với số tiền là 2.250.000đ. Trong đó, 1.800.000đ tiền gốc và 450.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 24.658đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(450.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 24.658đ = 675.342 \text{ đồng}$.

* Lần thứ 2: Tương tự như lần vay thứ nhất. Theo đó, T1 và D thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh N5 đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Anh N5 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 03 thì anh N5 mới trả được 02 ngày với số tiền là 500.000đ. Trong đó, 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 5.479đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(100.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 5.479đ = 344.521 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền anh N5 đã vay là 35.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 6.800.000 đồng, tổng tiền phí là 1.750.000 đồng, tổng lãi suất theo quy định Nhà nước là 372.602 đồng và số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 8.177.398 đồng. Anh N5 còn nợ 7.800.000 đồng tiền gốc.

1.16. Chị H'Ô, sinh năm: 1995, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 17/3/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả 31 ngày với số tiền là 6.200.000đ. Trong đó, 4.843.750đ tiền gốc và 1.356.250đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932đ. D và T1 thu lợi bất chính là $(1.356.250đ + 500.000đ) - 84.932đ = 1.771.318 \text{ đồng}$. Chị H'Ô còn nợ 156.250 đồng tiền gốc.

1.17. Bà Lê Thị Ánh H3, sinh năm: 1959, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà H3 đáo hạn 02 lần với số tiền vay 15.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 750.000đ, phí vay là 750.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 18.750.000đ. Trong đó, 15.000.000đ tiền gốc và 3.750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 205.479đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(3.750.000đ + 750.000đ \text{ tiền phí}) - 205.479đ = 4.294.521 \text{ đồng}$. Bà H3 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02 thì bà H3 mới trả được 18 ngày với số tiền là 13.500.000đ. Trong đó, 10.800.000đ tiền gốc và 2.700.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 147.945đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.700.000đ + 750.000đ \text{ tiền phí}) - 147.945đ = 3.302.055 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà H3 đã vay là 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 8.950.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 2.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 490.410 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 10.459.590 đồng. Bà H3 còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

1.18. Bà Phạm Thị H4, sinh năm: 1948, trú tại: phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000đ, phí vay là 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.400.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329$ đồng. Quá trình vay, bà H4 đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà H4 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn này.

Như vậy, tổng số tiền bà H4 đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 5.600.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 350.684 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 6.249.316 đồng.

1.19. Bà Nguyễn Thị Thu Q1, sinh năm: 1967, trú tại: phường L2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, bà Q1 đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà Q1 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn này.

Như vậy, tổng số tiền bà Q1 đã vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 7.500.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 410.958 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 8.589.042 đồng.

1.20. Bà Nguyễn Thị Thanh T7, sinh năm: 1970, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 04/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000đ, phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.400.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.862.329$ đồng. Quá trình vay, bà T7 đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà T7 mới trả được 10 ngày với số tiền là 2.000.000đ. Trong đó, 1.562.500đ tiền gốc và 437.500đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 27.397đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(437.500đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 910.103$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T7 đã vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 1.837.500 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 2.722.432 đồng. Bà T7 còn nợ 3.437.500 đồng tiền gốc.

1.21. Bà Phạm Thị Bích N6, sinh năm: 1974, trú tại: phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.681.507$ đồng. Quá trình vay, bà N6 đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà N6 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02 thì bà N6 mới trả được 01 ngày với số tiền là 250.000đ. Trong đó, 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 2.740đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(50.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 2.740đ = 547.260$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà N6 đã vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 2.550.000 đồng, tổng tiền phí đã trả là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 139.726 đồng, tổng số tiền T1 và D thu lợi bất chính là 3.910.274 đồng. Bà N6 còn nợ 4.800.000 đồng tiền gốc.

Vậy, bị cáo Trần Hoàng D và bị cáo Hoàng Thế T1 đã giúp bị cáo Nguyễn Cảnh H cho tổng cộng 21 người vay với 65 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 650.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 146.105.100 đồng, tổng số tiền phí đã thu là 35.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 8.190.690 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 172.914.410 đồng.

2. Đối với nhánh của bị cáo Phan Chí T và bị cáo Lê Huỳnh Đ: đã cho 20 người vay với 65 lượt vay tiền:

2.1. Chị Bùi Thái N7, sinh năm 1987, trú tại: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, chị N7 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Lần đáo hạn này thì chị N7 mới trả được 05 ngày với số tiền là 2.500.000đ. Trong đó, 2.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 27.397đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 27.397đ = 972.603$ đồng. Chị N7 còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền chị N7 đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, tổng tiền phí là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà

nước là 164.384 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.835.617 đồng. Chị N7 còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc.

Quá trình điều tra xác định, ngoài vay tiền của nhánh T và Đ, chị N7 còn vay tiền của nhánh N. Tuy nhiên, đến nay chị N7 không có mặt tại địa phương, nên chưa tiến hành làm việc được để làm rõ nội dung gói vay.

2.2. Anh Đỗ Anh H6, sinh năm: 1980, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, anh H6 đáo hạn 05 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Anh H6 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 04 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 05 thì anh H6 mới trả được 06 ngày cả gốc và lãi là 3.000.000đ. Trong đó, 2.400.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(600.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 1.067.123$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh H6 đã vay là 60.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 13.100.000đ, tổng tiền phí là 3.000.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 717.808đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 15.382.193 đồng. Anh H6 còn nợ 7.600.000 đồng tiền gốc.

2.3. Anh Hà Anh T8, sinh năm: 1980, trú tại: phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 31/3/2021, vay số tiền 3.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 150.000đ, tiền phí 150.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 3.750.000đ. Trong đó 3.000.000đ tiền gốc, 750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(750.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 41.096đ = 858.904$ đồng.

- Lần 2: Vào ngày 20/4/2021, vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 300.000đ, tiền phí 300.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 7.500.000đ. Trong đó 6.000.000đ tiền gốc, 1.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.500.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 82.192đ = 1.717.808$ đồng.

- Lần 3: Vào ngày 10/5/2021, vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 300.000đ, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả được 02 ngày cả gốc và lãi là 600.000đ. Trong đó, 480.000đ tiền gốc và 120.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 6.575đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(120.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 6.575đ = 413.425$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh T8 đã vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 2.370.000 đồng, tổng tiền phí là 750.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 129.863 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.990.137 đồng. Anh T8 còn nợ 5.520.000 đồng tiền gốc.

2.4. Chị Lê Thị Hằng N8, sinh năm 1992, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T1 và D thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí} - 136.986đ) = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, chị N8 đáo hạn 03 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Chị N8 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 03 thì chị N8 mới trả được 11 ngày số tiền đã trả là 5.500.000 đồng. Trong đó, 4.400.000đ tiền gốc và 1.100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 60.274đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.100.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 60.274đ = 1.539.726$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị N8 đã vay là 40.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 8.600.000 đồng, tổng tiền phí là 2.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 471.233 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 10.128.768 đồng. Chị N8 còn nợ 5.600.000 đồng tiền gốc.

2.5. Bà Lương Thị H7, sinh năm 1962, trú tại: phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 01/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, hiện đã trả được 22 ngày với số tiền 5.350.000 đồng (ngày đóng thứ 22 còn thiếu 150.000 đồng). Trong đó, 4.280.000đ tiền gốc và 1.070.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 58.630đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.070.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 58.630đ = 1.261.370$ đồng. Bà H7 còn nợ 720.000 đồng tiền gốc.

2.6. Chị Nguyễn Thị Thanh T7, sinh năm: 1970, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 17/3/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000đ, tiền phí 250.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 6.400.000đ. Trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329$ đồng.

2.7. Chị Nguyễn Thị Thu Q1, sinh năm 1967, trú tại: phường L2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ đầu tháng 01/2021 đến tháng 5/2021, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000đ, nộp phí vay là 500.000đ, đã trả đủ tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014$ đồng. Quá trình vay, chị Q1 đáo hạn 06 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Chị Q1 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 05 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 06 thì chị Q1 mới trả được 05 ngày với số tiền 2.500.000 đồng. Trong đó, 2.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định

nhà nước là 27.397đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 27.397đ = 972.603 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền chị Q1 đã vay là 70.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 15.500.000 đồng, tổng tiền phí vay là 3.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 849.315 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 18.150.687 đồng. Chị Q1 còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc.

2.8. Ông Nguyễn Tiến T9, sinh năm 1975, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 2.863.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông T9 đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Ông T9 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần đáo hạn này.

Như vậy, tổng số tiền ông T9 đã vay là 30.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 7.500.000 đồng, tổng tiền phí vay là 1.500.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 410.959đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.589.042 đồng.

2.9. Chị Nông Thị Thanh B, sinh năm: 1986, trú tại: phường N1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, tiền phí 1.000.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi là 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 1.000.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986đ = 3.363.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị B đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, nhưng với số tiền phí 500.000đ. Lần đáo hạn này thì chị B mới trả được 19 ngày với số tiền là 9.500.000đ. Trong đó, 7.600.000đ tiền gốc và 1.900.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 104.110đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.900.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 104.110đ = 2.295.890 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền chị B đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 4.400.000 đồng, tổng tiền phí là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 241.096 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.658.904 đồng. Chị B còn nợ 2.400.000 đồng tiền gốc.

2.10. Ông Trần Mai P, sinh năm 1973, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 04/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, ngày góp 400.000 đồng, tiền phí 500.000 đồng, đã trả đủ gốc và lãi là 12.800.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.800.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 175.342đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.800.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 175.342đ = 3.124.658 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông P đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Lần đáo hạn này thì ông P mới trả được 32 ngày, ngày góp 400.000 đồng, tiền phí 500.000

đồng, đã trả được 09 ngày với số tiền 3.600.000 đồng. Trong đó, 2.813.000đ tiền gốc và 788.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 49.315đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(788.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 49.315đ = 1.238.185 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền ông P đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 3.588.000 đồng, tổng tiền phí là 1.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 224.658 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.362.843 đồng. Ông P còn nợ 7.187.000 đồng tiền gốc.

2.11. Chị Trần Thị Bảo L5, sinh năm: 1990, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 4/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị L5 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp như trên, nhưng với số tiền thu tiền phí là 250.000đ. Lần đáo hạn này thì chị L5 đã trả đủ 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507 \text{ đồng}$. Lần đáo hạn thứ 02 thì chị L5 mới trả được 7,8 ngày cả gốc và lãi là 1.950.000đ. Trong đó, 1.560.000đ tiền gốc và 390.000 đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 21.370đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(390.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 21.370đ = 618.630 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền chị L5 đã vay là 15.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 2.890.000đ, tổng tiền phí là 1.000.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 158.356 đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.731.644 đồng. Chị L5 còn nợ 3.440.000 đồng tiền gốc.

2.12. Bà H'D, sinh năm 1960, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/3/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tiền phí 250.000 đồng, đã đóng được 10 ngày là 2.500.000 đồng. Trong đó, 2.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 27.397đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(500.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 27.397đ = 722.603 \text{ đồng}$. Bà H'D còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc.

2.13. Bà Mai Thị Hằng L6, sinh năm 1985, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 01/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, thu phí 150.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi. Trong đó, 3.000.000đ tiền gốc và 750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(750.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 41.096đ = 858.904 \text{ đồng}$.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 02/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc

và lãi. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507 \text{ đồng}$.

Lần 3: Khoảng đầu tháng 3/2021, vay số tiền 8.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, ngày góp 400.000 đồng, phí 400.000 đồng, khoản vay này đã góp đủ cả gốc và lãi. Trong đó, 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 109.589đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.000.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 109.589đ = 2.290.411 \text{ đồng}$.

Lần 4: Khoảng đầu tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, ngày góp 400.000 đồng, tiền phí 500.000 đồng, đã trả được 10 ngày là 4.000.000 đồng. Trong đó, 3.125.000đ tiền gốc và 875.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(875.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 54.795đ = 1.320.205 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà L6 đã vay là 26.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 4.875.000 đồng, tổng tiền phí là 1.300.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 273.973 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.901.027 đồng. Bà L6 còn nợ 6.875.000 đồng tiền gốc.

2.14. Ông Nguyễn Phương N9, sinh năm 1998, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2021, vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.431.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông N9 đáo hạn 04 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Ông N9 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 04 thì ông N9 mới trả được 05 ngày với số tiền 1.250.000đ. Trong đó, 1.000.000đ tiền gốc và 250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.699đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 13.699đ = 486.301 \text{ đồng}$. Ông N9 còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền ông N9 đã vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 5.250.000 đồng, tổng tiền phí là 1.250.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 287.671 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.212.329 đồng. Ông N9 còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

2.15. Chị Dương Thị Quỳnh L7, sinh năm 1988, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2021, vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 6.400.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị L7 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Chị L7 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn thứ 02

thì chị L7 mới trả được 07 ngày với số tiền 1.400.000đ. Trong đó, 1.093.750đ tiền gốc và 306.250đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 19.178đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(306.250đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 19.178đ = 537.072 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền chị L7 đã vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 3.106.250 đồng, tổng tiền phí là 750.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 194.520 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.661.370 đồng. Chị L7 còn nợ 3.906.250 đồng tiền gốc.

2.16. Anh Phạm Ngọc C5, sinh năm 1980, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 04/2021 đến tháng 5/2021, vay số tiền vay số tiền 20.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, thu phí 1.000.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 25.000.000đ. Trong đó, 20.000.000đ tiền gốc và 5.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 273.973 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(5.000.000đ + 1.000.000đ \text{ tiền phí}) - 273.973 \text{ đồng} = 5.726.027 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh C5 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Anh C5 mới trả được 03 ngày với số tiền 3.000.000đ. Trong đó, 2.400.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(600.000đ + 1.000.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 1.567.123 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền anh C5 đã vay là 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 5.600.000 đồng, tổng tiền phí là 2.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 306.850 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.293.150 đồng. Anh C5 còn nợ 17.600.000 đồng tiền gốc.

2.17. Chị H'R, sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 12.500.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.500.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 136.986 = 2.863.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị H'R đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Chị H'R đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần đáo hạn này.

Như vậy, tổng số tiền chị H'R đã vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 7.500.000 đồng, tổng tiền phí là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 410.958 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.589.042 đồng.

2.18. Anh Nguyễn Vĩnh N5, sinh năm: 1990, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 04/2021, vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493 \text{ đồng} = 1.431.507 \text{ đồng}$. Quá trình

vay, anh N5 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Anh N5 mới trả được 13 ngày với số tiền 3.250.000đ. Trong đó, 2.600.000đ tiền gốc và 650.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.616đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(650.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 35.616đ = 864.384 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền anh N5 đã vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 1.900.000 đồng, tổng tiền phí là 500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 104.109 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.295.891 đồng. Anh N5 còn nợ 2.400.000 đồng tiền gốc.

2.19. Bà Phạm Thị Bích N6, sinh năm: 1974, trú tại: phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 02/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 6.250.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493 \text{ đồng} = 1.431.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà N6 đáo hạn 05 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí ở 02 lần đáo hạn đầu giống như lần vay đầu tiên. Còn ở lần đáo hạn thứ 03, 04, 05, bà N6 vay số tiền 6.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, thu phí 300.000 đồng, bà N6 đã trả đủ cả gốc và lãi ở lần đáo hạn thứ 01, 02 là 6.250.000đ, trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493 \text{ đồng} = 1.431.507 \text{ đồng}$; và đã trả đủ cả gốc và lãi ở lần đáo hạn thứ 03, 04 là 7.500.000đ, trong đó, 6.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.500.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 82.192 \text{ đồng} = 1.717.808 \text{ đồng}$. Ở lần đáo hạn cuối cùng, bà N6 mới trả được 02 ngày với số tiền 600.000đ. Trong đó, 480.000đ tiền gốc và 120.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 6.575 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(120.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 6.575 \text{ đồng} = 413.425 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bà N6 đã vay là 33.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 6.870.000 đồng, tổng tiền phí là 1.650.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 376.438 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.143.562 đồng. Bà N6 còn nợ 5.520.000 đồng tiền gốc.

2.20. Bà Huỳnh Thị C4, sinh năm: 1968, trú tại: phường L2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vay số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi 12.800.000đ. Trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.800.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 175.342 đồng. T và Đ thu lợi bất chính là $(2.800.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 175.342 \text{ đồng} = 3.124.658 \text{ đồng}$.

+ Lần thứ hai: Vay số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, khoản vay này đã trả đủ cả gốc và lãi

6.400.000đ. Trong đó, 5.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. T và Đ thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329$ đồng. Quá trình vay, bà C4 đáo hạn 03 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà C4 đã trả đủ cả gốc lẫn lãi và phí vay ở cả 03 lần đáo hạn này.

Như vậy, tổng số tiền bà C4 đã vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 8.400.000 đồng, tổng tiền phí là 1.500.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 526.026 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 9.373.973 đồng.

Vậy, bị cáo Phan Chí T và bị cáo Lê Huỳnh Đ đã giúp bị cáo Nguyễn Cảnh H cho tổng cộng 20 người vay với 65 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 514.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 107.418.750 đồng, tổng số tiền phí vay đã thu là 26.450.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 6.021.918 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 127.846.832 đồng.

3. Đối với nhánh của bị cáo Bùi Hoài N đã cho 21 người vay với 42 lượt vay tiền, cụ thể như sau:

3.1. Bà Bùi Thị Thúy N1, sinh năm: 1968, trú tại: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 03/2021, vay số tiền 7.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 350.000đ, tiền phí 350.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền là 8.750.000đ. Trong đó 7.000.000đ tiền gốc, 1.750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 95.890đ. N thu lợi bất chính là $(1.750.000đ + 350.000đ \text{ tiền phí}) - 95.890đ = 2.004.110$ đồng. Quá trình vay, bà N1 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà N1 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 02 thì bà N1 mới trả được 11 ngày với số tiền là 3.850.000đ. Trong đó 3.080.000đ tiền gốc, 770.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 42.192đ. N thu lợi bất chính là $(770.000đ + 350.000đ \text{ tiền phí}) - 42.192đ = 1.077.808$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà N1 đã vay là 21.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 4.270.000 đồng, tổng tiền phí là 1.050.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 233.973 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.086.028 đồng. Bà N1 còn nợ 3.920.000 đồng tiền gốc.

3.2. Bà Cao Hồng H8, sinh năm: 1975, trú tại: xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Tháng 3/2021, vay số tiền 7.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 350.000đ, tiền phí 350.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền là 8.750.000đ. Trong đó 7.000.000đ tiền gốc, 1.750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 95.890đ. N thu lợi bất chính là $(1.750.000đ + 350.000đ \text{ tiền phí}) - 95.890đ = 2.004.110$ đồng.

- Lần 2: Ngày 18/3/2021, vay số tiền 15.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 750.000đ, tiền phí 750.000đ, đã trả được 18 ngày với số tiền là 13.500.000đ. Trong đó 10.800.000đ tiền gốc, 2.700.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 147.945đ. N thu lợi bất chính là

$(2.700.000đ + 750.000đ \text{ tiền phí}) - 147.945đ = 3.302.055 \text{ đồng}$. Còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bà H8 đã vay là 22.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 4.450.000đ, tổng tiền phí là 1.100.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 243.836đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.306.164 đồng. Bà H8 còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

3.3. Anh Đỗ Anh H6, sinh năm: 1980, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 04/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền là 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000 đồng, tiền phí là 400.000 đồng. Đã đóng đủ 25 ngày, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795 đồng, N thu lợi bất chính là $(1.000.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 54.795 đ = 1.345.205 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh H6 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp như trên, nhưng với số tiền phí là 200.000đ. Anh H6 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 02 thì anh H6 mới trả được 06 ngày, tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 960.000 đồng và tiền lãi là 240.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.151 đồng, N thu lợi bất chính là $(240.000đ + 200.000đ \text{ tiền phí}) - 13.151 đ = 426.849 \text{ đồng}$. Còn nợ gốc 3.040.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh H6 đã vay là 12.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 2.240.000đ, tổng tiền phí là 800.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 122.741đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.917.259 đồng. Anh H6 còn nợ 3.040.000 đồng tiền gốc.

3.4. Bà Đỗ Thị Thúy N10, sinh năm: 1985, trú tại: xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 05/2021, vay số tiền 5.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 250.000đ, tiền phí 500.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền là 6.250.000đ. Trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. N thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà N10 đáo hạn 03 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, nhưng với số tiền phí là 250.000đ. Bà N10 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 03 thì bà N10 mới trả được 04 ngày với số tiền là 1.000.000đ. Trong đó 800.000đ tiền gốc, 200.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 10.959đ. N thu lợi bất chính là $(200.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 10.959đ = 439.041 \text{ đồng}$. Còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bà N10 đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 3.950.000 đồng, tổng tiền phí là 1.250.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 216.438 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.983.562 đồng. Bà N10 còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

3.5. Bà H'A, sinh năm: 1987, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 01/5/2021, vay số tiền 5.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 250.000đ, tiền phí 250.000đ, đã trả được 12 ngày với số tiền 3.000.000đ. Trong đó 2.400.000đ tiền gốc, 600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao

nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. N thu lợi bất chính là $(600.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 817.123 \text{ đồng}$. Bà H'A còn nợ 2.600.000 đồng tiền gốc.

3.6. Bà La Thị Xuân H9, sinh năm: 1984, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ngày 19/4/2021, vay số tiền 3.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 150.000đ, tiền phí 300.000đ, đã trả được 05 ngày với số tiền là 750.000đ. Trong đó 600.000đ tiền gốc, 150.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 8.219đ. N thu lợi bất chính là $(150.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 8.219đ = 441.781 \text{ đồng}$. Bà Hương còn nợ 2.400.000 đồng tiền gốc.

3.7. Bà Lê Thị Ánh H3, sinh năm: 1959, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền 30.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 1.500.000đ, tiền phí 1.500.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền là 37.500.000đ. Trong đó 30.000.000đ tiền gốc, 7.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 410.959đ. N thu lợi bất chính là $(7.500.000đ + 1.500.000đ \text{ tiền phí}) - 410.959đ = 8.589.041 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà H3 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà H3 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 02 thì bà H3 mới trả được 02 ngày với số tiền là 3.000.000đ. Trong đó 2.400.000đ tiền gốc, 600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. N thu lợi bất chính là $(600.000đ + 1.500.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 2.067.123 \text{ đồng}$. Còn nợ 27.600.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bà H3 đã vay là 90.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 15.600.000đ, tổng tiền phí là 4.500.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 854.795đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 19.245.205 đồng. Bà H3 còn nợ 27.600.000 đồng tiền gốc.

3.8. Chị Lê Thị G, sinh năm: 1986, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 30/4/2021, số tiền vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 250.000 đồng, tổng phải đóng là 6.250.000 đồng, tiền phí là 500.000 đồng. Đã đóng được 13 ngày tổng số tiền 3.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.600.000 đồng và lãi là 650.000 đồng (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.616 đồng, N thu lợi bất chính là $(650.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 35.616đ = 1.114.384 \text{ đồng}$. Chị G còn nợ là 3.000.000 đồng, trong đó 2.400.000 đồng tiền gốc, 600.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên sau đó đã trả đủ 2.400.000 đồng tiền gốc vào cuối tháng 05/2021.

3.9. Ông Ma Huỳnh Đông N2, sinh năm: 1990, trú tại: xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 06/5/2021, vay số tiền 4.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000đ, tiền phí 400.000đ, đã trả được 07 ngày với số tiền 1.400.000đ. Trong đó 1.120.000đ tiền gốc, 280.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 15.342đ. N thu lợi bất chính là $(280.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 15.342đ = 664.658 \text{ đồng}$. Ông N2 còn nợ 2.880.000 đồng tiền gốc.

3.10. Ông Nguyễn Ngọc T11, sinh năm: 1969, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền 3.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 150.000đ, tiền phí vay 150.000đ, đã trả đủ cả lãi và gốc với số tiền 3.750.000đ. Trong đó 3.000.000đ tiền gốc, 750.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 41.096đ. N thu lợi bất chính là $(750.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 41.096đ = 858.904 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông T11 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Ông T11 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 02 thì ông T11 mới trả được 06 ngày với số tiền 900.000đ. Trong đó 720.000đ tiền gốc, 180.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 9.863đ. N thu lợi bất chính là $(180.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 9.863đ = 320.137 \text{ đồng}$. Còn nợ 2.280.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, số tiền ông T11 đã vay là 9.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 1.680.000 đồng, tiền phí là 450.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 92.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.037.945 đồng. Ông T11 còn nợ 2.280.000 đồng tiền gốc.

3.11. Ông Nguyễn Thanh H11, sinh năm: 1980, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 04/5/2021 vay số tiền 6.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 300.000đ, tiền phí 300.000đ, đã trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đ. Trong đó 2.400.000đ tiền gốc, 600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 32.877đ. N thu lợi bất chính là $(600.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 32.877đ = 867.123 \text{ đồng}$. Ông H11 còn nợ 3.600.000 đồng tiền gốc.

3.12. Chị Nguyễn Thị Diệu H12, sinh năm: 1988, trú tại: phường T2, thành phố B, từ tháng 04/2021 đến tháng 05/2021 đã vay 02 lần, cụ thể:

* Lần thứ 1: Khoảng tháng 4/2021, vay số tiền 6.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 300.000đ, tiền phí 300.000đ, đã trả đủ cả lãi và gốc với số tiền 7.500.000đ. Trong đó 6.000.000đ tiền gốc, 1.500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192đ. N thu lợi bất chính là $(1.500.000đ + 300.000đ \text{ tiền phí}) - 82.192đ = 1.717.808 \text{ đồng}$.

* Lần thứ 2: Ngày 13/4/2021, vay số tiền 4.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000đ, tiền phí 200.000đ, đã trả đủ cả lãi và gốc với số tiền 5.000.000đ. Trong đó 4.000.000đ tiền gốc, 1.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. N thu lợi bất chính là $(1.000.000đ + 200.000đ \text{ tiền phí}) - 54.795đ = 1.145.205 \text{ đồng}$. Lần vay này chị H12 đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Lần đáo hạn này thì chị H12 mới trả được 16 ngày với số tiền 3.200.000đ. Trong đó 2.560.000đ tiền gốc, 640.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.068đ. N thu lợi bất chính là $(640.000đ + 200.000đ \text{ tiền phí}) - 35.068đ = 804.932 \text{ đồng}$. Còn nợ 1.440.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền chị H12 đã vay là 16.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 3.140.000 đồng, tổng tiền phí vay là 700.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 172.055 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.667.945 đồng. Chị H12 còn nợ 1.440.000 đồng tiền gốc.

Quá trình điều tra xác định, ngoài vay tiền của nhánh N, chị H12 còn vay tiền của nhánh T và Đ. Tuy nhiên, đến nay chị H12 không có mặt tại địa phương, nên chưa tiến hành làm việc được để làm rõ nội dung gói vay.

3.13. Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm: 1956, trú tại: xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 04/2021, vay số tiền 5.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 250.000đ, tiền phí 250.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền là 6.250.000đ. Trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. N thu lợi bất chính là $(1.250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 68.493đ = 1.481.507$ đồng. Quá trình vay, bà G1 đáo hạn 02 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Bà G1 đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn đầu. Lần đáo hạn 02 thì bà N1 mới trả được 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng. Trong đó 1.000.000đ tiền gốc, 250.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.699đ. N thu lợi bất chính là $(250.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 13.699đ = 486.301$ đồng. Còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bà G1 đã vay là 15.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 2.750.000đ, tổng tiền phí là 750.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 150.685đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.349.315 đồng. Bà G1 còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

3.14. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1975, trú tại: phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 28/12/2020, vay số tiền 5.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 250.000đ, tiền phí 250.000đ, đã trả được 09 ngày với số tiền là 2.250.000đ. Trong đó, 1.800.000đ tiền gốc và 450.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 24.658đ. N thu lợi bất chính là $(450.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 24.658đ = 675.342$ đồng. Bà H1 còn nợ 3.200.000 đồng tiền gốc.

3.15. Bà Nguyễn Thị H10, sinh năm: 1977, trú tại: xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2021, vay số tiền 20.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 1.000.000đ, tiền phí 1.000.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 25.000.000đ. Trong đó, 20.000.000đ tiền gốc và 5.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 273.973đ. N thu lợi bất chính là $(5.000.000đ + 1.000.000đ \text{ tiền phí}) - 273.973đ = 5.726.027$ đồng. Quá trình vay, bà H10 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, thu tiền phí như trên. Lần đáo hạn này thì bà H10 mới trả được 08 ngày với số tiền là 8.000.000đ. Trong đó 6.400.000đ tiền gốc, 1.600.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. N thu lợi bất chính là $(1.600.000đ + 1.000.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 2.512.329$ đồng. Bà H10 còn nợ 14.600.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bà H10 đã vay là 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 6.600.000 đồng, tổng tiền phí là 2.000.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 361.644 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.238.356 đồng. Bà H10 còn nợ 13.600.000 đồng tiền gốc.

3.16. Bà Nguyễn Thị Thúy N11, sinh năm: 1963, trú tại: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 19/12/2020, vay số tiền 10.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 500.000đ, tiền phí 500.000đ, đã trả được 16 ngày với tổng số tiền 7.800.000đ. Trong đó 6.240.000đ tiền gốc, 1.560.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 85.479đ. N thu lợi bất chính là $(1.560.000đ + 500.000đ \text{ tiền phí}) - 85.479đ = 1.974.521 \text{ đồng}$. Bà N11 còn nợ 3.760.000 đồng tiền gốc.

3.17. Bà Nguyễn Thị T10, sinh năm: 1988, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 29/4/2021, vay số tiền 6.000.000đ thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 300.000đ, tiền phí 600.000đ, đã trả được 13 ngày với số tiền 3.900.000đ. Trong đó 3.120.000đ tiền gốc, 780.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 42.740đ. N thu lợi bất chính là $(780.000đ + 600.000đ \text{ tiền phí}) - 42.740đ = 1.337.260 \text{ đồng}$. Bà T10 còn nợ 2.880.000 đồng tiền gốc.

3.18. Chị Trần Thị Bảo L5, sinh năm: 1990, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 4/2021, vay số tiền là 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000 đồng, tiền phí là 400.000 đồng. Đã đóng đủ 25 ngày, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795 đồng, N thu lợi bất chính là $(1.000.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 54.795đ = 1.345.205 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị L5 đáo hạn 01 lần, với số tiền vay và phương thức trả góp, nhưng với số tiền phí là 200.000đ. Lần đáo hạn này thì chị L5 mới trả được 13 ngày, tổng số tiền 2.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.080.000 đồng và tiền lãi là 520.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 28.493 đồng, N thu lợi bất chính là $(520.000đ + 200.000đ \text{ tiền phí}) - 28.493đ = 691.507 \text{ đồng}$. Còn nợ gốc 1.920.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị L5 đã vay là 8.000.000đ, tổng số tiền lãi đã trả là 1.520.000đ, tổng tiền phí là 600.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 83.288đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.036.172 đồng. Chị L5 còn nợ 1.920.000 đồng tiền gốc.

3.19. Bà Trần Thị H5, sinh năm: 1980, trú tại: phường E, thành phố B, vay 04 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 10/3/2021, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000đ, tiền phí 250.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 6.400.000đ. Trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. N thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 27/3/2021, vay số tiền 4.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000đ, tiền phí 200.000đ, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 5.000.000đ. Trong đó 4.000.000đ tiền gốc, 1.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. N thu lợi bất chính là $(1.000.000đ + 200.000đ \text{ tiền phí}) - 54.795đ = 1.145.205 \text{ đồng}$.

- Lần 3: Ngày 04/4/2021, vay giống lần 01, đã trả đủ cả gốc và lãi với số tiền 6.400.000đ. Trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.400.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 319,3%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 87.671đ. N thu lợi bất chính là $(1.400.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 87.671đ = 1.562.329 \text{ đồng}$.

- Lần 4: Ngày 13/4/2021, vay giống lần 01, đã đóng được 16 ngày, tổng số tiền 3.200.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.500.000 đồng và 700.000 tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 43.836đ. N thu lợi bất chính là $(700.000đ + 250.000đ \text{ tiền phí}) - 43.836đ = 906.164 \text{ đồng}$. Còn số tiền gốc 2.500.000 đồng đã trả hết vào cuối tháng 05/2021.

Như vậy, tổng số tiền bà H5 đã vay là 19.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 4.500.000 đồng, tổng tiền phí là 950.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 273.975 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.176.027 đồng. Còn số tiền gốc 2.560.000 đồng đã trả hết vào cuối tháng 05/2021.

3.20. Chị Trương Thị Tâm Q, sinh năm: 1983, trú tại: phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk,

Ngày 07/5/2021, số tiền vay 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 200.000 đồng, tiền phí là 400.000 đồng, tổng phải đóng là 5.000.000 đồng. Đã đóng được 07 ngày tổng số tiền 1.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.120.000 đồng và lãi là 280.000 đồng (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 15.342 đồng, N thu lợi bất chính là $(280.000đ + 400.000đ \text{ tiền phí}) - 15.342đ = 664.658 \text{ đồng}$. Còn 2.880.000 đồng tiền gốc (đã trả vào cuối tháng 05/2021).

3.21. Chị H'Z, sinh năm: 1988, trú tại: xã X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 30/4/2021, số tiền vay 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi là 150.000 đồng, tiền phí là 150.000 đồng, tổng phải đóng là 3.750.000 đồng. Đã đóng được 15 ngày tổng số tiền 2.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.800.000 đồng và lãi là 450.000 đồng, (lãi suất tương ứng 365%/năm), lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 24.658 đồng, N thu lợi bất chính là $(450.000đ + 150.000đ \text{ tiền phí}) - 24.658đ = 575.342 \text{ đồng}$. Chị H'Z còn nợ 1.200.000 đồng tiền gốc.

Vậy, bị cáo Bùi Hoài N đã giúp bị cáo Nguyễn Cảnh H cho 21 người vay, với 42 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 321.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 56.500.000 đồng, tổng số tiền phí vay đã thu là 17.800.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 3.123.288 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 71.176.712 đồng.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ và Bùi Hoài N cho tổng cộng 62 người vay với 172 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 1.485.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 310.023.850 đồng, tổng tiền phí đã thu là 79.250.000 đồng, tổng số lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 17.335.896 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 371.937.954 đồng, tổng số tiền gốc những người vay còn nợ của H là 260.343.250 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2022/HSST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ và Bùi Hoài N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- *Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự,*

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cảnh H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng D 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thế T1 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Chí T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Huỳnh Đ 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Cảnh H và bị cáo Lê Huỳnh Đ cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trần Hoàng D và bị cáo Phan Chí T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Hoàng Thế T1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.*

+ Xử phạt: Bị cáo Bùi Hoài N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 là 07 ngày, thời gian còn lại phải chấp hành là 17 tháng 09 ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Bùi Hoài N.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự,

- Phạt bị cáo Nguyễn Cảnh H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); các bị cáo Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-P7 ngày 28/3/2022, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Cảnh H. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N, đồng thời không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cảnh H và không cho bị cáo H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Cảnh H khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2021 bị cáo đã cho 62 người với 172 lượt vay như bản án sơ thẩm đã nêu. Trong quá trình cho vay thì bị cáo đã thuê các bị cáo D, T1, Đ, T và Nam đi phát tờ rơi, xác minh địa chỉ, hoàn cảnh người vay và đi thu tiền giúp bị cáo. Trong thời gian vay các bị cáo không làm gì để gây mất trật tự an ninh địa phương.

Các bị cáo Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N khai các bị cáo được H thuê để làm việc cho H và được trả lương hàng tháng với mức 6.000.000đ/tháng/người. Các bị cáo chỉ có nhiệm vụ đi phát tờ rơi, xác minh địa chỉ người vay và thu tiền vay về giao cho H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị. Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N theo khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, riêng bị cáo Nguyễn Cảnh H án sơ thẩm đã đánh giá không đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo H được hưởng án treo là không thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, trái với quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Việc áp dụng pháp luật của án sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến mức hình phạt mà án sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và không đạt được mục đích cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Đề nghị HĐXX sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh H 18 tháng tù. Giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo tranh luận và cho rằng hành vi của các bị cáo không có tính tổ chức, các bị cáo chỉ là người làm thuê trên cơ sở thỏa thuận về công việc phải làm và mức lương được trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N cùng thỏa thuận hoạt động cho người dân vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: Các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ và Bùi Hoài N cho tổng cộng 62 người vay với 172 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 1.485.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 310.023.850 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 319,3%/năm đến 365%/năm (tức là mức lãi suất cho vay cao gấp từ 15,96 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất được nhà nước cho phép), tổng số tiền phí đã thu là 79.250.000 đồng, tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 17.335.896 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 371.937.954 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức nên cần phải áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không chính xác. Bởi lẽ, các bị cáo H, T1, D, Đ, T, N cùng nhau tham gia hoạt động cho vay lãi nặng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người thực hành, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ không rõ rệt. Phạm tội có tổ chức là nhằm thực hiện hành vi phạm tội một cách tinh vi, khó bị phát hiện xử lý. Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau, không biết được các hoạt động cụ thể của nhau mà thực hiện các công việc một cách công khai đối với các công việc mà bị cáo H giao. Số tiền thu lợi bất chính không được các bị cáo phân chia cho nhau mà các bị cáo chỉ được trả một mức lương cố định hàng tháng cho công việc của mình làm theo thỏa thuận. Do đó, không có cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo không trái với quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Vì vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng pháp luật và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật và hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-P7 ngày 28/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 56/2022/HSST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng pháp luật và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh H, Hoàng Thế T1, Trần Hoàng D, Lê Huỳnh Đ, Phan Chí T và Bùi Hoài N.

2. Về điều luật và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự,

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cảnh H **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng D **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thế T1 **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Chí T **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Huỳnh Đ **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Cảnh H và bị cáo Lê Huỳnh Đ cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trần Hoàng D và bị cáo Phan Chí T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Hoàng Thế T1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Bùi Hoài N **18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**. Được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 là 07 ngày, thời gian còn lại phải chấp hành là 17 tháng 09 ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Hoài N cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Bùi Hoài N.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự,

- Phạt bị cáo Nguyễn Cảnh H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); các bị cáo Trần Hoàng D, Hoàng Thế T1, Phan Chí T, Lê Huỳnh Đ, Bùi Hoài N mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS TP. B
- Cơ quan T.H.A HS CATP.Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Tú